

Bản án số: 13/2019/HSST
Ngày: 21/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Quang Mỹ và bà Lục Thị Xinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN B - Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07/10/1976. Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và con bà Hoàng Thị D; vợ: Triệu Thị T (đã ly hôn), Con: Có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/11/2018. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1. Hoàng Ngọc L, sinh năm 1993. Trú tại Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

2. Vi Văn C, sinh năm 1989. Trú tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

3. Nguyễn Đức L, sinh năm 1995. Trú tại thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

4. Ma Văn T, sinh năm 1976. Trú tại tổ 4, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

5. Lê Văn K, sinh năm 1983. Trú tại thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 05/11/2018 Tổ công tác Công an huyện Chợ Đồn phát hiện bắt quả tang Hoàng Ngọc L đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà Nguyễn Văn B. Trên cơ sở các tài liệu đã thu thập được Cơ quan điều tra đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp người, chỗ ở và công trình phụ cận đối với Nguyễn Văn B. Qua khám xét đã phát hiện tạm giữ: 01 gói chất bột màu trắng được gói bằng giấy một mặt màu vàng một mặt màu trắng trong túi sau bên phải của chiếc quần dài treo ở móc cuối giường ngủ; 01 gói chất bột màu trắng được gói bằng giấy một mặt màu vàng một mặt màu trắng ở giữa ngăn tủ ly dưới bàn thờ trong nhà. Hai gói chất bột màu trắng được niêm phong vào trong hai phong bì ký hiệu B1 và B2. Cơ quan điều tra đã đưa B cùng những đồ vật liên quan về Cơ quan Công an huyện để giải quyết. Cùng ngày Cơ quan điều tra tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của B, xác định chất bột có trong hai phong bì có tổng khối lượng 0,48g (*Không phải bốn tám gam*), số chất bột màu trắng sau khi cân được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu D1 và D2 gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 115/KTHS-MT ngày 15/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu D1 gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là: 0,470g (Không phải bốn B không gam); Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu D2 gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là: 0,010g (Không phải không một không gam).*

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn B khai nhận hai gói ma túy thu giữ tại nhà B là ma túy heroin của B mua của Hoàng Ngọc L vào khoảng 10 giờ 05 phút ngày 05/11/2018 tại nhà B, B đã chia ra cất giữ để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra Nguyễn Văn B còn khai nhận việc bản thân còn được cho nhiều người nghiện sử dụng trái phép ma túy tại nhà cụ thể:

Khoảng 10 giờ ngày 04/11/2018 khi B đi ăn sáng về đến nhà thì thấy Hoàng Ngọc L, Nguyễn Đức L1 và Vi Văn C đang ở nhà B. Khi vào nhà B nhìn thấy C đang mở gói ma túy ra pha vào ống xi lanh, thấy vậy B đã xin C ma túy để sử dụng, C đồng ý và chia một nửa ma túy vừa pha trong xi lanh sang chiếc xi lanh của B rồi cả hai cùng nhau sử dụng bằng cách tiêm vào ven tay ngay tại phòng khách trong nhà B. Khi B và C sử dụng ma túy thì có L và L1 chứng kiến.

Vào khoảng 09 giờ ngày 05/11/2018 khi B, C, L1 và Ma Văn T đang cùng nhau ngồi nói chuyện ở nhà B thì Hoàng Ngọc L đến nhà B, tại đây T đã hỏi và mua với L 200.000đ ma túy loại hêrôin. Sau khi T mua được ma túy thì C có xin T một ít ma túy để sử dụng và được T đồng ý chia cho C một ít. Cùng lúc đó L1 cũng

hỏi và mua với L 200.000đ ma túy loại hêrôin. Sau khi mua ma túy xong thì T đi về, còn L1, B, L và C vẫn ở lại nhà B. Sau đó L và L1 đã mang ma túy ra sử dụng ngay tại phòng khách trong nhà B, L sử dụng ma túy bằng cách cầm mảnh giấy cháng kim loại chứa ma túy đưa lên trước mặt dùng chiếc bật lửa đốt dưới mảnh giấy cho khói bốc lên rồi hít khói vào miệng, cùng lúc đó L1 cũng lấy gói ma túy ra pha vào xi lanh nhựa và tiêm vào ven tay. Khi L và L1 sử dụng ma túy thì có B và C chứng kiến.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày B đã hỏi L mua 150.000đ tiền ma túy, L đồng ý và bán cho B 01 gói ma túy, B chia ra thành hai gói nhỏ, B lấy một gói ra sử dụng đi một nửa, số còn lại cất vào trong túi sau chiếc quần dài treo ở cuối giường ngủ, một gói B cất vào trong ngăn tủ dưới bàn thờ trong nhà, để sử dụng. Khi B mua ma túy với L thì có L1 và C chứng kiến. Sau khi sử dụng ma túy xong thì B nhìn thấy L tiếp tục mang ma túy ra sử dụng bằng cách cầm mảnh giấy cháng kim loại chứa ma túy đưa lên trước mặt dùng chiếc bật lửa đốt dưới mảnh giấy cho khói bốc lên rồi hít khói vào miệng, ngay tại phòng khách nhà B. Khi L sử dụng ma túy thì có Lê Văn K đi đến nhà B và cùng B, L1, C chứng kiến. Sau đó C hỏi xin L ma túy để sử dụng, L đồng ý và lấy cho C một ít ma túy. Sau khi xin được ma túy C mua xi lanh rồi quay về nhà B lấy ma túy ra đổ hết số ma túy xin được vào ống xi lanh và sử dụng bằng cách tiêm vào ven tay, ngay phòng khách nhà B. Khi C sử dụng ma túy thì có K, B, L và L1 chứng kiến. Sau đó C, L1, K, L và B tiếp tục ngồi nói chuyện thì bị tổ công tác Công an huyện Chợ Đồn đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang L đang cất giấu ma túy trong người.

Tại bản cáo trạng số 14/KSĐT- MT ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 249 và điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự.

Điều 249 có nội dung như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 5 năm:

a,.....

c, Heroin.....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 256 có nội dung như sau:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a,.....

b, Phạm tội 02 lần trở lên;

...

d, Đối với 02 người trở lên;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c Khoản 1, Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 01 đến 02 tù. Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Đề nghị không phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b, d khoản 2, Điều 256; Điều 38; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 tù. Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Đề nghị không phạt tiền đối với bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

- **Về vật chứng:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 46, Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ký hiệu T115 hoàn trả cho cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn; 01 phong bì niêm phong ký hiệu E2 bên trong có chứa vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 chiếc quần vải thô màu nâu có chiều dài khoảng 97cm, vòng cạp quần rộng khoảng 40 cm của Nguyễn Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 10 giờ ngày 05/11/2018 bị cáo B đã có hành vi tàng trữ 0,48 gam ma túy loại heroin tại nhà của bị cáo, ở Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, nguồn gốc số ma túy heroin nêu trên bị cáo mua của Hoàng Ngọc L với giá 150.000đ để sử dụng cho nhu cầu của bản thân. Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy ra bị cáo còn để mặc cho C, L và L1 nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà ở của bị cáo; cụ thể: Vào khoảng 9 giờ 45 phút ngày 05/11/2018 để cho L và L1 sử dụng ma túy tại phòng khách nhà của bị cáo, khoảng 10 giờ 20 phút ngày 05/11/2018 để cho L sử dụng ma túy tại ghế sofa trong phòng khách của nhà bị cáo và khoảng 10 giờ 40 phút ngày 05/11/2018 để cho C sử dụng ma túy tại phòng khách nhà của bị cáo.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định là chất ma túy, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật.

Xét tính chất, hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng tệ nạn, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với bị cáo và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi cho Hoàng Ngọc L sử dụng ma túy. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án có Hoàng Ngọc L là người bán ma túy cho bị cáo và những người khác. Hành vi của L đang bị điều tra xử lý trong vụ án khác. Đối với Vi Văn C và Ma Văn T là người mua ma túy và sử dụng thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra lập hồ sơ chuyển xử lý hành chính. Nguyễn Đức L1 là người mua ma túy và sử dụng thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, hiện nay L1 đang bị khởi tố điều tra trong một vụ án khác. Còn Lê Văn K là người quen biết với B nên đã vào nhà B chơi và chứng kiến sự việc, K không liên quan đến hành vi phạm tội của B và những người khác nên không xem xét xử lý đối với K.

[3]. Xét về vật chứng:

- 01 phong bì ký hiệu T115 hoàn trả cho cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn; 01 phong bì niêm phong ký hiệu E2 bên trong có chứa vỏ phong bì niêm phong ban đầu - là vật cấm tàng trữ, lưu hành.

- 01 chiếc quần vải thô màu nâu có chiều dài khoảng 97cm, vòng cạp quần rộng khoảng 40 cm của Nguyễn Văn B - bị cáo không yêu cầu lấy lại, cần tịch thu tiêu hủy.

[4]. Xét về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

[1]. Căn cứ vào điểm c Khoản 1, Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 256; Điều 38; điểm s, r Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 07 (B) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 28/11/2018.

[2]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ký hiệu T115 hoàn trả cho cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn; 01 phong bì niêm phong ký hiệu E2 bên trong có chứa vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 chiếc quần vải thô màu nâu có chiều dài khoảng 97cm, vòng cạp quần rộng khoảng 40 cm.

Tất cả số vật chứng (Số lượng, tình trạng và ký hiệu theo biên bản giao nhận giữa Công an và Chi cục T hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn)

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Điều 136/BLTTHS; quy định về trách nhiệm chi trả chi phí tố tụng, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì được người T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự .

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Đồn
- CA huyện Chợ Đồn
- THADS huyện Chợ Đồn
- TA Tỉnh Bắc Kạn:
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn
- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Đình Hưng

